

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiên Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Lô
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Mãi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang M, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 47/19 TĐ, khu phố Z, Phường Z, thành phố A, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Quang M trình bày:* Do quen biết nhau, ông và bà Dương Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; vợ chồng sống ly thân từ 2003 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị H.

Về con chung: Ông xác định ông và bà H có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/6/1997 (đã chết theo Giấy trích lục khai tử số 499/TLKT-BS ngày 17/8/2018 của UBND Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An) và Lê Thị Trúc G, sinh ngày 25/5/2000 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Ông xác định ông và bà H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà H không có nợ ai.

\* Tại bản tự khai ngày 26/12/2022, bị đơn là bà Dương Thị H có ý kiến như sau: Bà thống nhất lời trình bày của ông Lê Quang M về thời gian chung sống. Bà và ông M sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà xác định nguyên nhân gây mâu thuẫn gia đình, thời gian vợ chồng sống ly thân như lời trình bày của ông M là đúng. Hiện tại, bà cũng không còn tình cảm với ông M. Nay ông M yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà xác định bà và ông M có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/6/1997 (đã chết theo Giấy trích lục khai tử số 499/TLKT-BS ngày 17/8/2018 của UBND Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An) và Lê Thị Trúc G, sinh ngày 25/5/2000 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông M không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông M không có nợ ai.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định, đã tiến hành hòa giải về con chung, tài sản và nợ chung theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông Lê Quang M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị H. Bà H đang cư trú tại xã

B, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Dương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang M: Ông M và bà H đều xác định sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2003 thì ông M và bà H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng về quan điểm, sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; vợ chồng sống ly thân từ 2003 cho đến nay, không liên hệ qua lại với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giải quyết cho ông M được ly hôn với bà H.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo đó vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, ông M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định nêu trên. Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”.

[4.2] Căn cứ khoản 7 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ sống chung như vợ chồng là việc: “nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng”. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định ông M và bà Hương có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[5] Từ những phân tích tại các đoạn [3], [4.1], [4.2], Hội đồng xét xử xác định yêu cầu ly hôn của ông M với bà H là thuộc trường hợp quy định nêu trên nên ông M làm yêu cầu được ly hôn với bà H thì Tòa án áp dụng quy định của

pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà H. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Khi Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng thì Tòa án áp dụng quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về con chung, tài sản chung nếu các bên có yêu cầu.

[6.1] Về yêu cầu con chung: Trong thời gian chung sống, ông M và bà H xác định có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/6/1997 (đã chết theo Giấy trích lục khai tử số 499/TLKT-BS ngày 17/8/2018 của UBND Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An) và Lê Thị Trúc G, sinh ngày 25/5/2000 đã thành niên. Ông M và bà H không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Về chia tài sản và nợ chung: Ông M và bà H xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc ông Lê Quang M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 177, Điều 179, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang M về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bà Dương Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Quang M và bà Dương Thị H.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Quang M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006344 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Lê Quang M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là ông Lê Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Dương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Về hướng dân thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An; (*để biết*)
- UBND Phường Z, TP A, tỉnh Long An; (*để biết*)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đinh Tiễn Phương**